

Bản án số: 70/2023/HS-ST
Ngày 21/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Kim Tuyền;

Ông Nguyễn Hoàng Tâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký TAND tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Đức Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 19/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: Lớp 12/12;

Con ông: Nguyễn Quốc L, sinh năm 1957; và con bà: Lê Thị T5, sinh năm 1963; Gia đình có 3 anh em ruột, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Phan Thị H2, sinh năm 1989; con: có 2 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không;

Bị can đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2022; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phan Văn Đ**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: Lớp 09/12;

Con ông: Phan Văn G, sinh năm 1972; và con bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; Gia đình có 4 chị em ruột, bị cáo là con thứ 3; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh

năm 1999; Con có 2 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không;

Bị can đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2022; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đặng Bá Q**, sinh năm 1989

Nơi cư trú: thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: Lớp 12/12;

Con ông: Đặng Bá C1, sinh năm 1963; và con bà: Trần Thị P1, sinh năm 1962; Gia đình có 2 chị em ruột, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Trần Thị M1, sinh năm 1990; Con: có 2 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không;

Bị can đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2022; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ : Luật sư Nguyễn Văn T1 thuộc Văn phòng luật Phạm Xuân A - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

Người bị hại: Công ty TNHH L - V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (gọi tắt là Công ty). Do ông SUH SEUNG K, chức vụ: Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở: TDP H, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông SUH SEUNG K là: Bà Thân Thị L, sinh năm 1985, là nhân viên công ty TNHH L KCN V, huyện V, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999 là vợ của bị cáo Phan Văn Đ (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 là mẹ đẻ của bị cáo Phan Văn Đ (có mặt).

3. Ông Phan Văn G, sinh năm 1972 là bố đẻ bị cáo Phan Văn Đ (có mặt).

Chị H, bà P, ông G cùng địa chỉ: thôn T, xã X, huyện S, TP Hà Nội.

4. Ông Đặng Bá C, sinh năm 1965 là bố đẻ bị cáo Đặng Bá Q (có mặt).

5. Chị Trần Thị M, sinh năm 1990 là vợ của bị cáo Đặng Bá Q (có mặt).

6. Bà Trần Thị P, sinh năm 1962 là mẹ đẻ của bị cáo Đặng Bá Q (có mặt).

7. Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1989; (vắng mặt).

Ông C, chị M, bà P, anh T cùng địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

8. Công ty TNHH Thương mại vận tải D do ông Nguyễn Văn L, chức vụ Giám đốc đại diện theo pháp luật (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Người làm chứng:**

Anh Nguyễn Bảo T2, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: thôn M, xã M, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chị Lê Thị M3, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Chị Đinh Thị K, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP K, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ là nhân viên lái xe cho Công ty TNHH thương mại vận tải D, có trụ sở tại tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Công ty D).

Công ty TNHH một thành viên L (Công ty L) có 01 trụ sở tại Cụm Công nghiệp Y, huyện Y và 01 trụ sở tại Khu Công nghiệp V, huyện V, tỉnh Bắc Giang sản xuất đầu thu kỹ thuật số. Tháng 12/2022, Công ty L hợp đồng thuê Công ty D vận chuyển hàng linh kiện điện tử (chíp điện tử) để sản xuất đầu thu kỹ thuật số từ kho hàng thuộc Cụm Công nghiệp Y đến kho hàng thuộc Khu Công nghiệp V.

Ngày 24/12/2022, Nguyễn Văn Đ được Công ty D phân công điều khiển xe ô tô tải BKS 98C 207.71 của Công ty đến kho hàng Cụm Công nghiệp Y để nhận 03 Ballet chứa chíp điện tử để vận chuyển đến kho hàng tại Khu Công nghiệp V. Trong quá trình vận chuyển, Đ nảy sinh ý định trộm cắp các hộp Cattong trên Ballet chứa chíp điện tử bán lấy tiền. Sau khi nhận 03 Ballet hàng từ kho hàng Cụm Công nghiệp Y, Đ đã không chở thẳng đến kho hàng thuộc Khu Công nghiệp V mà điều khiển xe ô tô chở về nhà của Đ và đã lấy 03 thùng cát tông to, 03 hộp cát tông nhỏ trên các Ballet, bên trong các thùng Cattong chứa chíp điện tử tổng cộng là **520.762 Chíp**. Lấy xong Đ cất giấu vào trong nhà, sau đó Đ điều khiển xe đến kho hàng tại Khu Công nghiệp V để trả hàng cho Công ty L.

Buổi chiều cùng ngày, Đ điện thoại cho bị cáo Phan Văn Đ là người quen làm nghề chuyên thu mua phế liệu ở Khu Công nghiệp V, Đ nói có hàng của Công ty và bảo Đ đến xem. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô BKS 30A-812.49 đến nhà của Đ để xem hàng, Đ nói cho Đ biết số hàng nêu trên là hàng trộm cắp của công ty. Đ kiểm tra hàng và đồng ý mua tất cả **520.762 chíp** điện tử do Đ trộm cắp nêu trên với giá **40 triệu** đồng. Đ dùng tài khoản ngân hàng chuyển tiền cho Đ và chở hàng về điểm thu mua phế liệu của Đ ở xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Phan Văn Đ sau đó nhắn tin qua Zalo cho bị cáo Đặng Bá Q để trao đổi mua bán số chip điện tử nêu trên, đồng thời gửi hình ảnh số hàng này cho Q xem. Sau khi xem hình ảnh do Đ gửi, Q biết đó là tài sản do trộm cắp và đồng ý mua. Ngày 26/12/2022, Đ chở số chip điện tử nêu trên đến nhà Q bán cho Q, nhưng Q chỉ mua tổng số **7.860 chip** điện tử của Đ với giá **32.000.0000 đồng**. Số chip điện tử còn lại thì Q không mua nên Đ mang về điểm thu mua phế liệu của Đ ở xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh cất giấu. Do Đ chỉ bán được cho Q số chip điện tử với giá **32.000.0000 đồng**, nên Đ gọi điện cho Đ thỏa thuận và thống nhất lại giá mua bán chip trước đó là **27.000.000 đồng**.

Đ tiếp tục đăng lên mạng Facebook rao bán số chip điện tử còn lại. Ngày 29/12/2022, Đ đi ra Hà Nội bán cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ **177.295 chip** điện tử với giá **1.860.000 đồng**, còn lại 73 cuộn điện trở chứa **335.607 chip** điện tử không bán được, Đ mang về điểm thu mua phế liệu của Đ cất giấu.

Sau khi nhận hàng do Đ chở đến, nhân viên của Công ty L chuyển hàng vào kho nhưng không kiểm tra ngay số lượng hàng đã giao. Đến ngày 26/12/2022, Công ty L tiến hành kiểm đếm hàng để nhập kho lưu trữ thì phát hiện bị thiếu hụt tài sản. Ngày 29/12/2022, đại diện Công ty đến Đoàn Công an Q trình báo sự việc.

Ngày 29/12/2022, Nguyễn Văn Đ đầu thú tại CQĐT Công an huyện V và giao nộp: 01 điện thoại nhãn hiệu Realme C11, đã qua sử dụng lắp sim số 0965.899.536; 01 thẻ căn cước công dân số 024092016383, 01 thẻ ATM ngân hàng Techcombank cùng mang tên Nguyễn Văn Đ. (BL 226).

Ngày 30/12/2022, Phan Văn Đ và Đặng Bá Q đã đầu thú tại Công an huyện V.

Đ giao nộp 01 xe ô tô BKS 30A-812.49 và 01 thùng cát tông đựng 73 cuộn điện trở chứa chip điện tử.

Q giao nộp 02 hộp cát tông bên trong mỗi hộp đều đựng 01 túi màu bạc đều có in chữ và số: E No. : M3718-ALAKA và Lot No.: XJ2RRG0000GC; 06 hộp cát tông bên trong mỗi hộp đều đựng 01 túi màu bạc đều có in chữ và số: E No. : M3718-ALAKA và Lot No. : XX33RV0000GC; 01 túi màu bạc có in chữ và số Device: JS27HU1G08SCDA-25 và Cust Lot No: 1QC7612S, túi bị rách một đầu, bên trong có túi đựng 11 khay nhựa màu đen và 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda - CX5, BKS 99A-536.59. (BL 305, 384).

Tiến hành kiểm đếm chip điện tử xác định số lượng, chủng loại như sau:

Số lượng chip thu giữ của Q là **7.860 Chip** gồm các loại như sau: mã HC090 là **5.760 chip**; mã HC298 là **2.100 chip**.

Số lượng chip điện tử thu giữ vừa Đ là 335.607 chip gồm các loại như sau: mã HC320 là 64.000 chip; mã HC325 là 36.000 chip; mã HC323 là 12.000 chip; mã HC348 là 10.000 chip; mã HC147 là 25.000 chip; mã HC149 là 65.000 chip; mã HC281 là 23.607 chip; mã HC286 là 30.000 chip; mã HC152 là 15.000 chip, mã HC291 là 20.000 chip; mã HC289 là 35.000 chip.

Số lượng chip điện tử còn chưa thu hồi được là 177.295 chip gồm các loại sau: mã HC322 là 333.249 chip; mã HC315 là 840 chip; mã HC313 là 2.915 chip; mã HC897 là 5.840 chip; mã HC843 là 5.804 chip; mã HC896 là 2.021 chip; mã HC320 là 7.500 chip; mã HC325 là 830 chip; mã HC323 là 5.603 chip; mã HC348 là 30.000 chip; mã HC147 là 12.172 chip; mã HC149 là 3.857 chip; mã HC281 là 10.000 chip; mã HC286 là 7.681 chip; mã HC152 là 20.382 chip; mã HC291 là 16.270 chip; mã HC289 là 12.331 chip.

Ngày 04/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự định giá tài sản bị trộm cắp nêu trên. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 06/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y kết luận:

Tổng số 7.860 chip điện tử thu giữ tại nhà Q trị giá 507.257.436 đồng; tổng số 335.607 chip điện tử thu giữ tại nhà của Đ trị giá 29.438.882 đồng, tổng số 177.295 chip điện tử chưa thu hồi được trị giá 18.751.751 đồng. Tổng trị giá tài sản của Công ty L bị mất là **555.448.069 đồng**.

Ngay sau khi có Kết luận định giá tài sản, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang để thụ lý theo thẩm quyền.

***Về vật chứng của vụ án:**

Ngày 23/02/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định số 05/QĐ-CSĐT xử lý vật chứng trả cho bà Thân Thị L (đại diện theo ủy quyền của công ty L) tổng số 343.467 linh kiện chip điện tử (335.607+7860= 343.467).

Ngày 18/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã ra Quyết định số 15/QĐ-CSĐT xử lý vật chứng đã trả cho ông Phan Văn G; sinh năm 1972 (là bố bị cáo Đ); trú tại: thôn T, xã X, huyện S, Hà Nội 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, màu sơn: trắng, số loại: 3, BKS: 30A-812.49; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 719629 của xe ô tô BKS: 30A-812.49 mang tên Phan Văn G; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA2272139 và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm số AD22/0994319.

Trả cho chị Trần Thị M, sinh năm 1990 (là vợ bị cáo Q); trú tại: Thôn L, xã A, huyện L, Bắc Ninh: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA,; số loại: CX-5, BKS: 99A-536.59; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 99 019957 của xe ô

tô BKS: 99A-536.59 mang tên Đặng Bá Q; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DA0483301; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm số 0035606 và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm số 0035607 của xe ô tô BKS: 30A-812.49.

- Đối với vật chứng còn lại gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno, số IMEI 1: 865545054472350, số IMEI 2: 865545054472343; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, ốp màu xám, số IMEI 1: 352012830030408, số IMEI 2: 352012830245758; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 2021, màu ghi xám, số IMEI 1: 869150054081156, số IMEI 2: 869150054081149; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 đen xám, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868057054009916, số IMEI 2: 868057054009908; 01 (một) CCCD mang tên Nguyễn Văn Đ, số 024092016383, cấp ngày 17/12/2021; 01 (một) CCCD mang tên Phan Văn Đ, số 001097010097, cấp ngày 29/7/2022; 01 (một) CMND mang tên Đặng Bá Q, số 125.313.554, cấp ngày 26/5/2020, nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh được chuyển đến kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang để xử lý theo quy định.

Sau khi phát hiện, các bị cáo ra đầu thú: Gia đình bị cáo Phan Văn Đ đã bồi thường cho Công ty L số tiền 18.000.000 đồng đối với số linh kiện điện tử bị mất không thu hồi được. Gia đình bị cáo Phan Văn Đ đã trả cho gia đình Đặng Bá Q số tiền 32.000.000 đồng; gia đình bị cáo Nguyễn Văn Đ đã trả số tiền 27000.000 đồng cho gia đình Phan Văn Đ. Công ty L không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm.

Bản Cáo trạng số: 41/CT-VKS-P2 ngày 16/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Phan Văn Đ và Đặng Bá Q về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố đúng người, đúng tội, không oan.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ khai: Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập, nghề nghiệp không ổn định, con còn nhỏ; nhận thức pháp luật còn hạn chế, rất ân hận về hành vi trộm cắp của mình, đã tác động đến gia đình tiếp tục bồi thường cho người bị hại là công ty được 15 triệu đồng để khắc phục hậu quả. Bố của bị cáo là ông Nguyễn Quốc L1 có tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Phan Văn Đ khai: Do nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đã mua tài sản là Chip điện tử do bị cáo Đ trộm cắp của Công ty và rất ân hận về hành vi của mình. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề

ng nghiệp, thu nhập ổn định, con còn nhỏ, đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Đặng Bá Q khai: Do nhận thức pháp luật còn hạn chế, nên đã mua tài sản là Chip điện tử do bị cáo Đ đã mua tài sản mà bị cáo Đ trộm cắp của Công ty và rất ân hận về hành vi của mình. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, con còn nhỏ đang đi học. Bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự 18 tháng đóng quân tại Sư đoàn A thuộc Quân đoàn X, thuộc địa bàn xã T, huyện L và được xuất ngũ. Đề nghị được hưởng sự khoan hồng của pháp luật và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đại diện người bị hại theo ủy quyền của Công ty TNHH L là bà Thân Thị L trình bày: Toàn bộ nội dung bản cáo trạng truy tố về các hành vi của bị cáo, bà không có ý kiến gì. Công ty đã nhận được số tài sản là Chip điện tử do các bị cáo tự giao lại, số Chip bị do bị cáo đã bán không thu hồi được đã được các bị cáo bồi thường đầy đủ tương ứng giá trị, và bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Công ty. Nay bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất, khoan hồng cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến trình gì, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không đề nghị bị cáo phải hoàn trả các khoản tiền mà gia đình đã bồi thường cho Công ty.

Người làm chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và không có ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX công bố lời khai của những người này trong quá trình điều tra. Các bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về lời khai của những người này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS; xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Phan Văn Đ: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS; xử phạt bị cáo từ 03 đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo Đặng Bá Q: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS; xử phạt bị cáo từ 03 đến 03

năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được nhận lại tài sản, tiền bồi thường và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét, giải quyết về phân trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno, số IMEI 1: 865545054472350, số IMEI 2: 865545054472343; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, ốp màu xám, số IMEI 1: 352012830030408, số IMEI 2: 352012830245758; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 đã cũ, màu ghi xám, số IMEI 1: 869150054081156, số IMEI 2: 869150054081149; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 đen xám, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868057054009916, số IMEI 2: 868057054009908;

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) CCCD mang tên Nguyễn Văn Đ; Trả lại bị cáo Phan Văn Đ 01 (một) CCCD mang tên Phan Văn Đ; Trả lại bị cáo Đặng Bá Q 01 (một) CMND mang tên Đặng Bá Q.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn Đ, Đặng Bá Q phải chịu án phí HSST.

Luật sư - Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ tranh luận: Truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Bị cáo Đ nhất trí ý kiến phát biểu bào chữa của Luật sư cho bị cáo và không tranh luận gì.

Bị cáo Phan Văn Đ và Đặng Bá Q không có ý kiến tranh luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu đối với ý kiến tranh luận của Luật sư: giữ nguyên quan điểm đã phát biểu về đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Đoàn.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Phan Văn Đ, bị cáo Đặng Bá Q không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Phan Văn Đ và bị cáo Đặng Bá Q đều xin được giảm nhẹ mức hình phạt để sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết quả định giá, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn Đ là lái xe tải của Công ty D. Ngày 24/12/2022, lợi dụng việc được Công ty D giao vận chuyển hàng linh kiện điện tử (chíp điện tử) thuê cho Công ty L từ Kho hàng thuộc Cụm Công nghiệp Y, huyện Y đến Kho hàng thuộc Khu Công nghiệp V, Đ đã lén lút trộm cắp 06 thùng cát tông (gồm 03 thùng loại to và 3 thùng loại nhỏ) chứa 19 loại chíp điện tử tổng số lượng **520.760 chíp**, tổng trị giá **555.448.069 đồng** (Năm trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn không trăm sáu mươi chín đồng).

Phan Văn Đ và Đặng Bá Q biết rõ là tài sản do trộm cắp mà có, nhưng vì ham rẻ nên đã mua bán số tài sản do Đ trộm cắp để bán kiếm lời, cụ thể Đ mua toàn bộ số chíp điện tử của Đ nêu trên tổng trị giá **555.448.069 đồng**; Q mua của Đ 2 loại chíp điện tử số lượng **7.860 chíp** tổng giá trị **507.257.436 đồng**.

Các bị cáo đều trưởng thành, nhận thức được về hành vi cố ý của mình là vi phạm pháp luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; hành vi của bị cáo Đ, bị cáo Q đã xâm phạm đến an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phan Văn Đ và Đặng Bá Q đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, các bị cáo Đ và bị cáo Q tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đã xâm phạm đến an toàn công cộng, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện sự coi thường pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hậu quả để áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa bị xét xử và xử lý hành chính lần nào.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đ, bị cáo Q tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản đã mua của bị cáo Đ đã trộm cắp của Công ty cho cơ quan Công an. Bị cáo Đ tác động đến gia đình đã nộp cho Công ty 18 triệu đồng; bị cáo Q tác động đến gia đình nộp 18.700.000 đồng cho Công ty để khắc phục hậu quả. Bị cáo Nguyễn Văn Đ tác động đến gia đình bồi thường 15 triệu cho người bị hại là Công ty về các khoản thiệt hại liên quan chi phí phát sinh mà Công ty còn phải chi phí như chi phí đi lại, xăng dầu, điện thoại, kiểm đến hàng hóa..., gia đình bị cáo có ông nội, bà nội được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tặng “Bảng gia đình vẻ vang”; bố của bị cáo được tặng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang Hạng Ba. Bị cáo Q có thời gian tham gia nhập ngũ trong Quân đội. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo. Bị cáo Đ, bị cáo Đ, bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo, HĐXX xét thấy:

[6.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ có ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt 555.448.069 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ, tài sản trộm cắp, nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 BLHS, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; tài sản trộm cắp có giá trị 555.448.069 trên mức khởi điểm của khung hình phạt theo khoản 4 Điều 173 BLHS (chiếm đoạt tài sản từ 500 triệu đồng trở lên, có khung hình phạt từ 12

năm đến 20 năm tù). Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 173 BLHS cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung và để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội như ý kiến đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa.

[6.2] Đối với bị cáo Phan Văn Đ đã tiêu thụ toàn bộ tài sản do bị cáo Nguyễn Văn Đ trộm cắp với trị giá 555.448.069 đồng, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 33.860.000 đồng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, khắc phục toàn bộ hậu quả trả lại tài sản cho công ty, bồi thường cho Công ty số tài sản không thu hồi được. Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 323 BLHS về áp dụng Điều 54 BLHS; không chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện VKS về áp dụng mức hình phạt bằng bị cáo Q tại phiên tòa.

[6.3] Đối với bị cáo Đặng Bá Q mua lại tài sản của bị cáo Đ, do bị cáo Đ đã mua của bị cáo Đ trộm cắp với giá trị 507.257.436 đồng, tuy nhiên chưa kịp bán thì hành vi phạm tội này đã bị phát hiện, tài sản tiêu thụ ít hơn bị cáo Đ. Cho nên bị cáo có vai trò thấp hơn bị cáo Đ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, có nhân thân tốt, khắc phục toàn bộ hậu quả trả lại tài sản cho công ty, tiếp tục bồi thường thêm cho Công ty. Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 323 BLHS nhưng thấp hơn bị cáo Đ. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Công ty L đã nhận lại tài sản bị mất và nhận đủ số tiền bồi thường nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì. Do vậy, về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập, nghề nghiệp không ổn định và đang nuôi con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno, số IMEI 1: 865545054472350, số IMEI 2: 865545054472343; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, ốp màu xám, số IMEI 1: 352012830030408, số IMEI 2: 352012830245758; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 đã cũ, màu ghi xám, số IMEI 1: 869150054081156, số IMEI 2: 869150054081149; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 đen xám, màn hình cảm ứng, số IMEI 1:

868057054009916, số IMEI 2: 868057054009908 là các công cụ mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, màu sơn: trắng, số loại: 3, BKS: 30A-812.49 được bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên qua kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký xe xác định chủ sở hữu chiếc xe ô tô BKS: 30A-812.49 mang tên Phan Văn G, quá trình thực hiện hành vi phạm tội ông G không biết được Đ sử dụng chiếc xe ô tô trên để làm phương tiện thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản của bị cáo Đ. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang đã trả xe ô tô BKS: 30A-812.49 và toàn bộ giấy tờ xe cho ông Giang là có căn cứ.

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MAZDA,; số loại: CX-5, BKS: 99A-536.59 mang tên Đặng Bá Q, bị cáo Q không sử dụng chiếc xe này vào hành vi phạm tội do đó Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang đã trả xe ô tô BKS: 99A-536.59 và toàn bộ giấy tờ xe cho chị Trần Thị M (vợ bị cáo Đặng Bá Q) là có căn cứ

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) CCCD mang tên Nguyễn Văn Đ;

Trả lại cho bị cáo Phan Văn Đ 01 (một) CCCD mang tên Phan Văn Đ;

Trả lại cho bị cáo Đặng Bá Q 01 (một) CMND mang tên Đặng Bá Q.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Phan Văn Đ, Đặng Bá Q phải chịu án phí HSST.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **08 năm** (tám năm) tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2022.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ **03 năm 03 tháng** (ba năm, ba tháng) tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2022.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Bá Q **03 năm** (ba năm) tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự: tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Renno, số IMEI 1: 865545054472350, số IMEI 2: 865545054472343; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu tím, ốp màu xám, số IMEI 1: 352012830030408, số IMEI 2: 352012830245758; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C11 đã cũ, màu ghi xám, số IMEI 1: 869150054081156, số IMEI 2: 869150054081149; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A93 đen xám, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868057054009916, số IMEI 2: 868057054009908;

2.2. Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ;

Trả lại bị cáo Phan Văn Đ 01 (một) Căn cước công dân mang tên Phan Văn Đ;

Trả lại bị cáo Đặng Bá Q 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Bá Q.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả đúng theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ/VKS-P2 ngày 19/5/2023 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/6/2023 giữa cơ quan Công an và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang).

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ, bị cáo Phan Văn Đ, bị cáo Đặng Bá Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT N- Yên D- Bắc Giang; UBND xã X - S - Hà Nội; UBND xã A - L - Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; bị hại; Người TGTG khác;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhiên